

CHÍNH PHỦ
Số: 7/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 1994

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Ban hành quy chế về kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và thống nhất quản lý hoạt động kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế về kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

QUY CHẾ

VỀ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TRONG NỀN KINH TẾ QUỐC DÂN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 7-CP ngày 29-1-1994 của Chính phủ)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Kiểm toán độc lập là việc kiểm tra và xác nhận của kiểm toán viên chuyên nghiệp thuộc các tổ chức kiểm toán độc lập về tính đúng đắn, hợp lý của các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo quyết toán của các doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội (gọi tắt là các đơn vị kế toán) khi có yêu cầu của các đơn vị này.

Sau khi có xác nhận của kiểm toán viên chuyên nghiệp thì các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo quyết toán của các đơn vị kế toán là căn cứ cho việc điều hành, quản lý hoạt động ở đơn vị, cho các cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính Nhà nước xét duyệt quyết toán hàng năm của các đơn vị kế toán, cho cơ quan thuế tính toán số thuế và các khoản nộp khác của đơn vị đối với ngân sách Nhà nước, cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh, các khách hàng và các tổ chức, cá nhân xử lý các mối quan hệ về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên có liên quan trong quá trình hoạt động của đơn vị.

Hoạt động kiểm toán độc lập còn giúp các đơn vị kế toán phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các sai sót do vô tình hay cố ý, phòng ngừa các vi phạm và thiệt hại có thể xảy ra trong kinh doanh và sử dụng kinh phí.

Điều 2. Kiểm toán độc lập được thực hiện theo yêu cầu của các đối tượng sau đây:

1. Các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài của Việt Nam;
2. Các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần;
3. Các doanh nghiệp tư nhân;
4. Các hợp tác xã;
5. Các doanh nghiệp Nhà nước;
6. Các tổ chức sự nghiệp, đoàn thể xã hội;
7. Các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

Điều 3. Công việc kiểm toán độc lập do các kiểm toán viên chuyên nghiệp (gọi tắt là kiểm toán viên) thực hiện. Kiểm toán viên là người có đủ điều kiện quy định trong Quy chế này, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận và cho phép hành nghề trong các tổ chức kiểm toán độc lập.

Điều 4. Tổ chức kiểm toán độc lập là một doanh nghiệp (công ty kiểm toán hoặc văn phòng kiểm toán) được thành lập theo quy định hiện hành về thành lập các loại doanh nghiệp và các

qui định trong Quy chế này.

Điều 5. Bộ Tài chính là cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động kiểm toán độc lập.

Điều 6. Các tổ chức kiểm toán nước Ngoài hoạt động kiểm toán và tư vấn tài chính - kế toán trên lãnh thổ Việt Nam phải được Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư của Việt Nam cấp giấy phép, sau khi có sự thoả thuận bằng văn bản của Bộ tài chính. Hoạt động của kiểm toán viên và tổ chức kiểm toán nước ngoài phải tuân thủ Luật Đầu tư nước ngoài của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quy định trong Quy chế này và các thông lệ kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Điều 7. Đối tượng có yêu cầu kiểm toán được tự do lựa chọn các tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp ở Việt Nam để ký kết hợp đồng kiểm toán.

Đối tượng yêu cầu kiểm toán có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và trung thực mọi thông tin tài liệu cần thiết có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm toán viên thực hiện kiểm toán và trả đủ, kịp thời phí kiểm toán theo thoả thuận trong hợp đồng.

Điều 8. Công việc kiểm toán phải thực hiện theo trình tự và phương pháp nghiệp vụ chuyên môn do Bộ Tài chính quy định. Khi kết thúc công việc kiểm toán, kiểm toán viên phải lập báo cáo kiểm toán, ghi ý kiến nhận xét của mình vào báo cáo kiểm toán và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các ý kiến đó. Báo cáo kiểm toán phải khách quan, trung thực, có chữ ký của kiểm toán viên và phải được lãnh đạo của tổ chức kiểm toán xác nhận, ký tên, đóng dấu.

CHƯƠNG II

KIỂM TOÁN VIÊN

Điều 9. Kiểm toán viên phải là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam, có đăng ký hành nghề tại một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 10. Công dân Việt Nam có đầy đủ các điều kiện sau đây được công nhận là kiểm toán viên và được phép đăng ký hành nghề tại một tổ chức kiểm toán độc lập ở Việt Nam:

1. Có lý lịch rõ ràng; phẩm chất trung thực, liêm khiết, nắm vững luật pháp và chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, kế toán, thống kê của Nhà nước; không có tiền án, tiền sự.

2. Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc trung học chuyên ngành tài chính, kế toán, đã làm công tác tài chính, kế toán từ 5 năm trở lên (nếu tốt nghiệp đại học) hoặc 10 năm trở lên (nếu tốt nghiệp trung học).

Đã qua kỳ thi tuyển kiểm toán viên do Hội đồng thi cấp Nhà nước tổ chức và được Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp chứng chỉ.

Điều 11. Công chức Nhà nước đương chức không được đăng ký hành nghề trong các tổ chức kiểm toán độc lập. Kiểm toán viên đã bị rút giấy phép đăng ký hành nghề không được đăng ký hành nghề lại.

Điều 12. Công dân nước ngoài được đăng ký hành nghề tại một tổ chức kiểm toán độc lập ở Việt Nam nếu có chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ trưởng Bộ Tài chính Việt Nam cấp hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên được cấp bởi một tổ chức kiểm toán quốc tế mà Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.

Điều 13. Kiểm toán viên được thực hiện các dịch vụ kiểm toán sau đây:

1. Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ, tài liệu, số liệu kế toán, việc chấp hành chế độ, thể lệ kế toán, tài chính của Nhà nước.
2. Kiểm tra và xác nhận mức độ trung thực, hợp lý của báo cáo quyết toán do các đơn vị kế toán lập ra.
3. Kiểm tra và xác nhận giá trị vốn góp của các bên tham gia liên doanh, của các cổ đông, kiểm tra xác nhận tính trung thực, chính xác, đầy đủ của số liệu kế toán và báo cáo quyết toán của các đơn vị liên doanh, giải thể, sáp nhập, chia tách, cổ phần hoá, phá sản và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Giám định tài chính, kế toán và các dịch vụ tư vấn về quản lý tài chính, kế toán, thuế theo yêu cầu của khách hàng.

Điều 14. Kiểm toán viên thực hiện nhiệm vụ kiểm toán theo đúng các nguyên tắc sau đây:

1. Tuân thủ pháp luật của Nhà nước Việt Nam.
2. Bảo đảm trung thực, độc lập, khách quan, công bằng và bí mật số liệu.
3. Tuân thủ các chuẩn mực kế toán và kiểm toán hiện hành của Việt Nam và các chuẩn mực kế toán và kiểm toán quốc tế phổ biến được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.